

Số: 4182 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam, giai đoạn 2021- 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021- 2030”.*

*Căn cứ Quyết định số 3671/BNN-KTHT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 -2030.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4462/SNN&PTNT-PTNT ngày 21 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 5129/SNN&PTNT-PTNT ngày 23 tháng 11 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

- Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề tỉnh Thanh Hóa, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không

gian và môi trường; xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Chú trọng phát triển các sản phẩm thủ công tiêu biểu có thể mạnh xuất khẩu, giá trị kinh tế cao như: đồ gỗ, mây tre đan, hàng mỹ nghệ... gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội truyền thống; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại các làng nghề, làng nghề truyền thống.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

### a) Đến năm 2025

- Khôi phục, bảo tồn và công nhận mới 05 nghề và 05 làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; phát triển 05 nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với du lịch;

- Trên 80% nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 80% người lao động trong các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Có ít nhất 50% cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Có ít nhất 30% số làng nghề, làng nghề truyền thống có sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề, làng nghề truyền thống đạt khoảng 10%/năm;

- Thu nhập bình quân của lao động tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- 100% Làng nghề có phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và hạ tầng bảo vệ môi trường; 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

### b) Đến năm 2030

- Khôi phục, bảo tồn và công nhận mới 10 nghề và 05 làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; phát triển khoảng 10 nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với du lịch;

- Trên 90% nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 100% người lao động trong các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Có ít nhất 70% cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Có ít nhất 50% số làng nghề, làng nghề truyền thống có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề, làng nghề truyền thống đạt khoảng 10%/năm;

- 100% làng nghề có phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và hạ tầng bảo vệ môi trường; 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

## **2. Yêu cầu**

2.1. Nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện mục tiêu phát triển làng nghề tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2030.

2.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển làng nghề tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2030; quan tâm phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và sự hỗ trợ của Trung ương để triển khai đồng bộ các giải pháp từ việc hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách; tuyên truyền giáo dục, tăng cường công tác quản lý nhà nước về làng nghề, bảo tồn làng nghề, phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đến triển khai thực hiện các chương trình, dự án và các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2.3. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư trong nước và quốc tế để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch đã đề ra.

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp**

3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

3.2. Điều tra, rà soát, đánh giá, phân loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền; hướng dẫn các nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận thuộc các thôn, xã đã sáp nhập địa giới hành chính, từ xã chuyển lên phường để lập hồ sơ đổi tên cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3.3 Hỗ trợ phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả và làng nghề mới

a) Hỗ trợ phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế, giá trị văn hóa cao, có tiềm năng xuất khẩu lớn (chế biến nông lâm thủy sản, mây tre đan, đồ gỗ, đá mỹ nghệ, dệt thổ cẩm, sinh vật cảnh...).

b) Hỗ trợ thúc đẩy du nhập, gây dựng, phát triển làng nghề mới; phổ biến, nhân rộng nghề truyền thống ra các làng nghề mới; đẩy mạnh hỗ trợ sáng tạo phát triển sản phẩm, hình thành các cơ sở sản xuất mới tại địa phương.

c) Hỗ trợ phát triển các cơ sở ngành nghề nông thôn mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất để thực hiện các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; dự án phát triển hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu; dự án sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; dự án phát triển sinh vật cảnh; dự án làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; dự án sản xuất các sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp.

d) Hỗ trợ đầu tư cải tạo nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề phục vụ sản xuất như: đường giao thông, rãnh thoát nước, điện, nước sạch, xây dựng trung tâm, điểm bán hàng, khu trưng bày, giới thiệu quảng bá các sản phẩm, kho bãi.....

đ) Hỗ trợ đầu tư hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước sản xuất tập trung tại các làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề theo quy định. Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động.

e) Nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất tuần hoàn, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tái sử dụng phụ phẩm nông lâm nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất, tái sử dụng và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện làng nghề, giảm thiểu ô nhiễm, thân thiện môi trường.

3.4. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống

a) Rà soát, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

b) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư phát

triển vùng nguyên liệu có chứng chỉ bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế; phát triển các chợ, trung tâm đầu mối về nguyên liệu, phụ liệu nhằm kịp thời cung ứng cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề.

3.5 Đào tạo nâng cao năng lực nghệ nhân, thợ giỏi và nguồn nhân lực phục vụ phát triển nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn

a) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường; khuyến khích, hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề cho người lao động.

b) Hỗ trợ đào tạo cho người lao động tại làng nghề, làng nghề truyền thống nâng cao trình độ kỹ năng nghề, vệ sinh an toàn lao động, kiến thức công nghệ thông tin cơ bản; hỗ trợ, đào tạo người sử dụng lao động tại làng nghề nâng cao kỹ năng quản lý, chuyển đổi số, kiến thức kinh doanh.

3.6. Chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, làng nghề truyền thống, ưu tiên công nghệ thân thiện với môi trường và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Kết hợp công nghệ mới với kỹ thuật, công nghệ truyền thống để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

b) Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển du lịch làng nghề.

c) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cải thiện điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

3.7. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

Hỗ trợ các địa phương cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã tại làng nghề, làng nghề truyền thống xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến; xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.

3.8. Xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề

a) Tổ chức lại sản xuất tại làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng

hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ vùng nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế tập thể, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia chuỗi giá trị để cung cấp các dịch vụ cho các cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm.

b) Thiết kế, xây dựng các tuyến, điểm và tổ chức hoạt động du lịch, thăm quan, giáo dục, trải nghiệm nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống, liên kết với các chương trình du lịch nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của làng nghề và các sản phẩm của địa phương.

c) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị: Mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu; ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

*(Nhiệm vụ cụ thể của các ngành, địa phương, đơn vị tại Phụ lục kèm theo)*

#### **4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật liên quan; kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia, lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, đơn vị để triển khai thực hiện và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; định kỳ, trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, báo cáo tình hình, kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch; gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp thực hiện các nhiệm vụ do các ngành, đơn vị khác chủ trì, nhưng có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, địa phương, đơn vị mình nhằm hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng nhiệm vụ được giao.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn

đốc các ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện Kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và đúng quy định hiện hành của pháp luật; định kỳ, trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, báo cáo UBND tỉnh tình hình và kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 801/QĐ-TTg NGÀY 07/7/2022**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Sản phẩm của nhiệm vụ</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.	Sở Thông tin và Truyền thông	- Đài phát thanh và truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tuyên truyền trên đài PTTH tỉnh, Báo Thanh Hóa (1- 2 nội dung/quý). - Tổ chức 1-3 lớp tập huấn/năm; 1-3 hội thảo/năm.	2022- 2030
2	Xây dựng nội dung, chương trình và tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực nghề nhân, thợ giỏi và cho các lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Công Thương; - Sở Tài chính; - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - UBND huyện, thị xã, thành phố.	Lao động tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề được đào tạo đạt mục tiêu đề ra.	2022-2030
3	Dự án hỗ trợ đầu tư hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước sản xuất tập trung tại các làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Công Thương; - Sở Tài chính; - Sở Kế hoạch Đầu tư; - UBND huyện, thị xã, thành phố.	Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	2022 -2030



TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm của nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
4	Dự án hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, làng nghề truyền thống; xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Sở Thông tin và Truyền thông;</li> <li>- Sở Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Sở Công Thương;</li> <li>- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;</li> <li>- UBND huyện, thị xã, thành phố.</li> </ul>	Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	2022 - 2030
5	Hỗ trợ, hướng dẫn các chủ thể sản xuất tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng các sản phẩm OCOP	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ngành cấp tỉnh;</li> <li>- UBND huyện, thị xã, thành phố</li> </ul>	Các sản phẩm tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận OCOP đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.	2022 -2030
6	Hỗ trợ các địa phương cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã tại làng nghề, làng nghề truyền thống xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến; hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề...).	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Sở Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Sở Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;</li> <li>- UBND huyện, thị xã, thành phố</li> </ul>	Lồng ghép trong các chương trình xúc tiến, đầu tư, thương mại, chương trình khuyến công, khuyến nông, nông thôn mới.”	2022 - 2030

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Sản phẩm của nhiệm vụ</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
7	Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề, làng nghề truyền thống (vùng nguyên liệu họ tre, mây, dược liệu...).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và ngành, đơn vị có liên quan.	Xây dựng được các vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề, làng nghề truyền thống	2022-2030
8	Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình tại các địa phương; đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố và ngành, đơn vị có liên quan.	Báo cáo	2022-2030
9	- Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Quyết định 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ - Tổ chức Hội nghị tổng kết kết quả thực hiện Quyết định 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và ngành, đơn vị có liên quan.	Hội nghị, Báo cáo	2025- 2030